TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH O

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST
Ngày: 10/8/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH O

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Kim Thị Sà Mết
2. Bà Trần Thị Phương Anh

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh O.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh O tham gia phiên tòa:* Bà Châu Ngọc Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh O xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 55/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST- DS ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (viết tắt: Ngân hàng TMCP B). Trụ sở chính: Số 108 C, quận D, Thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Trần B1, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô B2 – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh O. Người được ủy quyền lại: Ông Hồ B3, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch E, tỉnh O (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn G. Địa chỉ: Ấp H, xã I, huyện A, tỉnh O.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn G:

1. Chị Nguyễn Hoàng G1, sinh năm 2004 (Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Hoàng G2, sinh năm 2006 (Vắng mặt).

Cùng trú: Ấp I, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cà Mau

Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Hoàng G2: Bà Hoàng Cẩm L, sinh năm 1976. Trú tại: Ấp I, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn M. Địa chỉ: Số 04 N, Khóm 10, Phường 1, thành phố O, tỉnh O (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1954 (Vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

5. Bà Lê Thu R, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

6. Chị Nguyễn Ngọc X, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

7. Chị Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Cùng trú: Ấp H, xã I, huyện A, tỉnh O.

8. Bà Phạm Y1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 28, Nguyễn Huệ, Khóm 1, Phường 3, thành phố O, tỉnh O (Vắng mặt).

9. Chị Nguyễn Thị Y2, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khu E1, đường số 9, khu dân cư Y3, Khóm 1, Phường 7, thành phố O, tỉnh O (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 12 năm 2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Hồ B3, trình bày:

Vào ngày 15/11/2019 , ông Nguyễn Văn G có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số HB-75-24/2019-HĐCVHM/NHCT862 để vay số tiền hạn mwucs cao nhất là 300.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh O –PGD E (VietinRnk). Ngày 21/05/2020, ông G rQ hạn mức. Lãi suất trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn Ry là 6 tháng. Mục đích vay vốn là: Bổ sung vốn kinh doanh sản xuất nước lọc do có đăng ký kinh doanh.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên ông Nguyễn Văn M đã ký Hợp đồng thế chấp số: HB-419-005-1/2018/HĐBĐ/NHCT862 ngày 03/10/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung, theo đó ông Nguyễn Văn M đã dùng tài sản là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 968225, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Từ khi vay đến nay ông Nguyễn Văn G chưa thanh toán vốn, đã thanh toán một phần tiền lãi cho ngân hàng. Ngân hàng đã Xều lần liên hệ, làm việc với ông G, ông M Yng vẫn không thanh toán nợ cho ngân hàng. Ngoài ra, Hợp đồng thế chấp số: HB-419-005-1/2018/HĐBĐ/NHCT862 ngày 03/10/2018 còn đảm bảo cho một khoản vay của Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ngọc Đạt số tiền vay là 780.000.000 đồng, đã thanh toán được 280.000.000 đồng tiền vốn, còn nợ tiền vốn là 500.000.000 đồng, nợ lãi đến thời điểm hiện nay.

Đối với khoản vay của ông Nguyễn Văn G chưa thanh toán vốn, lãi trong hạn đã thanh toán được 13.029.066 đồng, tổng dư nợ đến hết ngày 09/8/2023: 300.000.000 đồng tiền vốn, lãi trong hạn là 2.258.605 đồng, lãi quá hạn 122.054.795 đồng, tổng cộng 424.313.400 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn G thanh toán nợ vốn là 300.000.000 đồng tiền vốn, lãi trong hạn là 2.258.605 đồng, lãi quá hạn 122.054.795 đồng, tổng cộng 424.313.400 đồng và lãi phát sinh từ ngày 10/8/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ. Hiện nay ông Nguyễn Văn G đã chết, đề nghị Tòa án nhân dân huyện A giải quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông G không thanh toán nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 968225 do UBND huyện A cấp ngày 30/8/2005 cho hộ ông Nguyễn Văn M, diện tích 328m^2, thửa đất số 1155, tờ bản đồ số 10 để thu hồi nợ. Không yêu cầu xử lý Hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ngọc Đạt .

Đối với ông Nguyễn Văn G, theo xác nhận của Trưởng ấp H, xã I thì ông G đã chết

vào ngày 18/4/2022, ông G có vợ là bà Hoàng Cẩm L, 02 người con là chị Nguyễn Hoàng G1 và anh Nguyễn Hoàng G2. Tại Biên bản lấy lời khai, bà L, chị Thư và anh G2 xác định không liên quan đến khoản vay của ông Nguyễn Văn G nên không đồng ý thanh toán nợ.

Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh O đã Xều lần trực tiếp đến nhà ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thu R, chị Nguyễn Ngọc X, chị Nguyễn Ngọc Y, bà Phạm Y1, chị Nguyễn Thị Y2, bà Phan Y1 để tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và ghi nhận ý kiến Yng vẫn không đến Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh O phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án Y sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, Xệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn G là chị Nguyễn Hoàng G1, anh Nguyễn Hoàng G2, bà Hoàng Cẩm L cùng có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn 300.000.000 đồng tiền vốn, lãi trong hạn là 2.258.605 đồng, lãi quá hạn 122.054.795 đồng, tổng cộng 424.313.400 đồng và lãi phát sinh từ ngày 10/8/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ và lãi phát sinh từ ngày 10/8/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp không thanh toán nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là 328m^2 đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm tại thửa 1155, tờ bản đồ số 10 do ông Nguyễn Văn M đứng tên để thu hồi nợ. Án phí, chi phí tố tụng người kế thừa quyền, nghĩa vụ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP B yêu cầu ông Nguyễn Văn G thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Địa chỉ của ông Nguyễn Văn G trước khi chết là ở ấp H, xã I, huyện A, tỉnh O; tại phiên tòa, ông Hồ B3 cung cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 60 D8003059 do ông Nguyễn Văn G là đại diện hộ kinh doanh nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh O thụ lý, giải quyết theo thủ tục vụ án kinh doanh thương mại là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần Yng đều vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227,

khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh O vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào Hợp đồng cho vay hạn mức số HB-75-24/2019-HĐCVHM/NHCT862 ngày 15/11/2019 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B với ông Nguyễn Văn G, thể hiện ông Nguyễn Văn G có ký kết hợp đồng để vay hạn mức số tiền 300.000.000 (R trăm triệu) đồng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, thời hạn vay 06 tháng, ngày giải ngân là ngày 21/5/2020, lãi suất trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh sản xuất nước lọc. Từ đó, có cơ sở xác định giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B với ông Nguyễn Văn G là có phát sinh giao dịch vay tiền trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B cho rằng từ khi ký hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Văn G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ mặc dù đã được Ngân hàng đôn đốc, nhắc nhở Xều lần Yng ông G, ông M vẫn không có thiện chí thanh toán nợ. Ngày 18/4/2022 (sau khi Tòa án thụ lý vụ án), ông Nguyễn Văn G chết. Cha của ông nguyễn Văn G là ông Nguyễn Văn Chua đã chết vào năm 1969, mẹ là bà Lý Thị Lan, chết năm 2022 (trước ông G 01 tuần). Những hàng thừa kế của ông G còn lại là các con của ông G gồm Chị Nguyễn Hoàng G1, anh Nguyễn Hoàng G2, sinh năm 2006. Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị Thư và anh G2 là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông nguyễn Văn G. Do anh Nguyễn Hoàng G2 chưa đủ 18 tuổi nên bà Hoàng Cẩm L là người đại diện theo pháp luật cho anh G2 và cùng có trách Xệm liên đới trong việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân hàng TMCP B.

[4] Căn cứ vào khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B về việc yêu cầu hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn G thanh toán số tiền vốn, lãi tính đến hết ngày 09/8/2023 là 300.000.000 đồng tiền vốn, lãi trong hạn là 2.258.605 đồng, lãi quá hạn 122.054.795 đồng, tổng cộng 424.313.400 đồng và lãi phát sinh từ ngày 10/8/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[5] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HB-419-005-1/2018/HĐBĐ/NHCT862 ngày 03/10/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung, theo đó ông Nguyễn Văn M đã dùng tài sản là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 968225, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp ngày 28/10/2022, phần đất thế chấp có vị trí Y sau:

- Hướng đông giáp đất bà Bùi Nhật Thu số đo 8m
- Hướng tây giáp đất bảo lưu (Quốc lộ 1A) số đo 8m
- Hướng nam giáp đất bà Bùi Nhật Thu số đo 8m
- Hướng bắc giáp đất ông Lý Văn Bá số đo 8m.

Diện tích 328m2.

Trên đất không có tài sản, do ông Nguyễn Văn M đang quản lý.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HB-419-005-1/2018/HĐBĐ/NHCT862 ngày 03/10/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung, theo đó ông Nguyễn Văn M được chứng thực và có đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định tại khoản 3 Điều

188 Luật Đất đai năm 2013. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP B ông Hồ B3 xác định hiện trạng đất hiện nay so với thời điểm thế chấp không có gì thay đổi. Y vậy, về hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật.

[7] Năm 2018, Công ty TNHH MTV TM DV Ngọc Đạt ký hợp đồng tín dụng để vay số tiền 780.000.000 đồng, tài sản đảm bảo là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 968225 do UBND huyện A cấp ngày 30/8/2005 cho hộ ông Nguyễn Văn M, diện tích 328m^2, thửa đất số 1155, tờ bản đồ số 10 và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Quách Thị An Thơ. Cuối năm 2022, bà Thơ đã thanh toán nợ gốc 280.000.000 đồng và rQ lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Thơ, chỉ còn thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 968225. Đến năm 2019, hợp đồng tín dụng hết hạn, Công ty Ngọc Đạt (ông Nguyễn Văn M) vẫn yêu cầu tiếp tục ký hợp đồng tín dụng để vay vốn số tiền 780.000.000 đồng. Đến ngày 15/11/2019, ông G ký hợp đồng tín dụng số HB-75-24/2019-HĐCVHM/NHCT862 để vay số tiền hạn mức 300.000.000 đồng và sử dụng tài sản đảm bảo là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 968225 do UBND huyện A cấp ngày 30/8/2005 cho hộ ông Nguyễn Văn M, diện tích 328m^2, thửa đất số 1155, tờ bản đồ số 10 theo hình thức chia sẻ tài sản (một tài sản đảm bảo cho 02 khoản vay). Do khi định giá tài sản thì tài sản thế chấp đủ điều kiện để đảm bảo cho 02 khoản vay này. Vì vậy, ngày 02/8/2019 giữa ngân hàng với ông Nguyễn Văn M đã ký văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HB-419-005-1/2018/HĐBĐ/NHCT862-VBSĐBS1, đã được công chứng chứng thực đúng theo quy định. Khi khởi kiện ngân hàng đã khởi kiện cả 02 hợp đồng (02 hồ sơ khởi kiện khác nhau) đối với khoản vay 300.000.000 đồng và khoản vay 780.000.000 đồng Yng Tòa án nhân dân huyện A thụ lý đối với khoản vay 300.000.000 đồng còn khoản vay 780.000.000 đồng Tòa án đã trả đơn khởi kiện và yêu cầu ngân hàng khởi kiện nơi có trụ sở Công ty Ngọc Đạt là ở Tòa án nhân dân thành phố O, tỉnh O Yng hiện nay ngân hàng vẫn chưa nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố O. Do đó, việc xử lý tài sản thế chấp là để đảm bảo cho khoản vay của ông nguyễn Văn G. Khi nào Ngân hàng khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản đối với khoản vay của công ty Ngọc Đạt sẽ giải quyết vụ án khác.

[8] Tại Công văn số 1817/UBND-NC ngày 17/5/2023 của Ủy Rn nhân dân huyện A xác định thửa đất số thửa 1155, tờ bản đồ số 10 có địa chỉ thửa đất là ấp Trà Rn 1, xã I, huyện A, tỉnh O và cấp cho cá nhận ông Nguyễn Văn M. Việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện thửa đất tại ấp H, xã I, huyện A, tỉnh O là do in sai địa chỉ thửa đất. Tại Công văn số 152/TTKTTNMT-KT ngày 09/8/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên &Môi trường tỉnh O thể hiện phần đất tranh chấp thuộc thửa 162, tờ bản đồ số 35 (thửa 1155 tờ số 10 cũ) có diện tích 328,0m^2 tọa lạc tại ấp Trà Rn 1, xã I, huyện A, tỉnh O. Do đó, việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 968225 do Ủy Rn nhân dân huyện A cấp cho ông Nguyễn Văn M tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 35 (thửa 1155 tờ số 10 cũ) có diện tích 328,0m^2 tọa lạc tại ấp Trà Rn 1, xã I, huyện A, tỉnh O đúng là phần đất ông Nguyễn Văn M đã thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số HB-419-005-1/2018/HĐBĐ/NHCT862 ngày 03/10/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung.

[9] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch, bà Hoàng Cẩm L, chị Nguyễn Hoàng G1 và anh Nguyễn Hoàng G2 phải chịu là 20.972.536 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không phải chịu án phí. Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đã nộp tạm ứng án phí 8.775.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000887 ngày 01/3/2022 được hoàn lại đủ.

Chi phí tố tụng.

Ngày 28/7/2022, Tòa án tiến hành thành lập Hội đồng xem xét, thẩm định tài sản tranh chấp Yng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không xác định được vị trí tài sản thế chấp nên chi phí xem xét, thẩm định là 500.000 đồng, ngân hàng phải chịu nộp.

Chi phí xem xét, thẩm định tài sản ngày 28/10/2022 bà Hoàng Cẩm L, chị Nguyễn Hoàng G1 và anh Nguyễn Hoàng G2 phải chịu là 3.693.335 đồng. Ngân hàng đã nộp và đã chi phí hết. Ngân hàng được nhận lại từ tiền bà Hoàng Cẩm L, chị Nguyễn Hoàng G1 và anh Nguyễn Hoàng G2 nộp.

[10] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh O tại phiên tòa, Y đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 292, 293, 299, 303, 304, 317, 318, 323, 353, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Rn Thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Rn hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với ông Nguyễn Văn G (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn G là chị Nguyễn Hoàng G1, anh Nguyễn Hoàng G2 (Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Hoàng G2 là bà Hoàng Cẩm L) yêu cầu thanh toán số tiền tính đến hết ngày 09/8/2023 là 300.000.000 (R trăm triệu) đồng tiền vốn, lãi trong hạn là 2.258.605 (Hai triệu hai trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm lẻ năm) đồng, lãi quá hạn 122.054.795 (Một trăm hai mươi hai triệu không trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm) đồng, tổng cộng là 424.313.400 (Bốn trăm hai mươi bốn triệu R trăm mười R nghìn bốn trăm) đồng và lãi phát sinh từ ngày 10/8/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Chị Nguyễn Hoàng G1, anh Nguyễn Hoàng G2 (Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Hoàng G2 là bà Hoàng Cẩm L) có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền vốn, lãi tính đến hết ngày 09/8/2023 là là 300.000.000 (R trăm triệu)

đồng tiền vốn, lãi trong hạn là 2.258.605 (Hai triệu hai trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm lẻ năm) đồng, lãi quá hạn 122.054.795 (Một trăm hai mươi hai triệu không trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm) đồng, tổng cộng là 424.313.400 (Bốn trăm hai mươi bốn triệu R trăm mười R nghìn bốn trăm) đồng.

3. Trường hợp chị Nguyễn Hoàng G1, anh Nguyễn Hoàng G2 (Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Hoàng G2 là bà Hoàng Cẩm L) không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện A phát mãi tài sản thế chấp là phần đất ở, đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 35 (thửa 1155 tờ số 10 cũ) có diện tích 328,0m^2 tọa lạc tại ấp Trà Rn 1, xã I, huyện A, tỉnh O theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 968225 do Ủy Rn nhân dân huyện A cấp cho ông Nguyễn Văn M để thu hồi nợ, đất có vị trí, số đo Y sau:

- Hướng đông giáp đất bà Bùi Nhật Thu số đo 8m
- Hướng tây giáp đất bảo lưu (Quốc lộ 1A) số đo 8m
- Hướng nam giáp đất bà Bùi Nhật Thu số đo 8m
- Hướng bắc giáp đất ông Lý Văn Bá số đo 8m.

Diện tích 328m2.

Trên đất không có tài sản, do ông Nguyễn Văn M đang quản lý.

Ngân hàng TMCP B có quyền và nghĩa vụ liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 968225 do Ủy Rn nhân dân huyện A cấp cho ông Nguyễn Văn M cho đúng địa chỉ thửa đất là ở ấp Trà Rn 1, xã I, huyện A, tỉnh O theo quy định pháp luật (Bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất là phần không thể tách rời của Bản án).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) tại mục 2 của quyết định này cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B thì lãi suất mà chị Nguyễn Hoàng G1, anh Nguyễn Hoàng G2 (Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Hoàng G2 là bà Hoàng Cẩm L) phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch, bà Hoàng Cẩm L, chị Nguyễn Hoàng G1 và anh Nguyễn Hoàng G2 phải chịu là 20.972.536 (Hai mươi triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm R mươi sáu) đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh O. Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí. Ngân hàng TMCP B đã nộp tạm ứng án phí 8.775.000 (Tám triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000887 ngày 01/3/2022 được hoàn lại đủ.

Chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP B phải chịu 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng.

Bà Hoàng Cẩm L, chị Nguyễn Hoàng G1 và anh Nguyễn Hoàng G2 phải chịu là 3.693.335 (R triệu sáu trăm chín mươi bà nghìn R trăm R mươi lăm) đồng. Ngân hàng TMCP B đã nộp 4.193.335 (Bốn triệu một trăm chín mươi R nghìn R trăm R mươi lăm) đồng và đã chi phí hết. Ngân hàng TMCP B được nhận lại 3.693.335 (R triệu sáu trăm chín mươi R nghìn R trăm R mươi lăm) đồng từ tiền bà Hoàng Cẩm L, chị Nguyễn Hoàng G1 và anh Nguyễn Hoàng G2 nộp.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Ngân hàng TMCP B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA